

quanh tủy sống vì nguy cơ gây di chứng nặng nề về thần kinh ở trẻ sơ sinh.  
Nồng độ HES gần như bằng không sau khi truyền khoảng 24 giờ. Thuốc không ảnh hưởng đến chức năng thận.

### Hyoscin butylbromid

**Tên khác:** *Butylscopolaminiumbromid*  
*Scopolaminium butylbromatum*  
*N-Butylscopolaminonuium bromid*  
*Scopolamin butyl bromid*

**Dạng thuốc:** Viên bọc đường 10mg ống tiêm 1ml/20mg, thuốc đạn 10mg cho người lớn và 7,5mg cho trẻ em; lọ 10ml thuốc giọt (dd 1%)

**Tác dụng:** Là alkaloid giống như atropin chiết xuất từ *Duboisia* sp một số cây họ cà hoặc tổng hợp. Chống co thắt cơ trơn.

**Chỉ định:** Cơ co thắt đường tiêu hóa, viêm dạ dày, loét tá tràng, táo bón do co thắt, viêm đại tràng. Đau do sỏi mật, sỏi thận, đau khi thăm khám cơ niệu đạo, đau khi chảy kinh.

**Liều dùng:** Người lớn: ngày uống 2- 3lần, mỗi lần 1-2 viên hoặc nạp 1-3 viên thuốc đạn. Đau cấp tính: tiêm tĩnh mạch, bắp, dưới da: ngày 2-3 lần, mỗi lần 1 ống. Trẻ em tùy theo tuổi, dùng từ 1/4 đến 1/3 liều của người lớn.

**Chống chỉ định:** Trẻ em dưới 24 tháng, glôcôm

### Hyoscin methobromid

Liệt đối giao cảm. ức chế tiết dịch vị, chống co thắt.

**Tên khác:** *Methscopolamin bromid*  
*Epoxin*  
*Epoxymethamid bromid*  
*Hyoscin N- methylbromid*  
*Scopolamin methobromid*

**Dạng thuốc:** Viên nén 2,5mg -0,5mg, ống tiêm 1ml/0,5-1mg, thuốc giọt 1ml = 40giọt chứa 2,5mg

**Chỉ định và Chống chỉ định:** Như atropin

**Liều dùng:** Người lớn: ngày uống 1-2 viên, tiêm dưới da hoặc bắp 1/2 -1 ống /lần, ngày 3-4 lần.

### Hyoscyamin

**Tên khác:** *Duboisin*  
*Tropin -L- tropal*

**Dạng thuốc:** Viên nén 0,15 và 0,374mg, giọt

uống 0,125mg/ml, cồn ngọt 0,125mg/5ml. Ống tiêm 0,5mg/ml

**Tác dụng:** Như atropin (liệt đối giao cảm và chống co thắt cơ trơn).

**Chỉ định:** Rối loạn đường niệu dưới, kèm triệu chứng tăng nhu động.

**Liều dùng:** Người lớn: ngày 3-4 lần, mỗi lần 1 viên hoặc ngày 2 lần, mỗi lần 1 viên (uống cách nhau 12giờ)

**Chống chỉ định:** Glôcôm, hẹp môn vị hoặc cơ cổ bàng quang, phì đại tuyến tiền liệt.

**Lưu ý:** *Thận trọng khi dùng cho người có bệnh tim, phụ nữ nuôi con bú. Phụ nữ có thai chỉ dùng nếu thật cần thiết.*

*Có thể bị sốt, mệt la, ỉa chảy. Buồn ngủ, mờ mắt. Thận trọng với người bệnh thần kinh, cường tuyến giáp, bệnh mạch vành, suy tim xung huyết, loạn nhịp, tăng huyết áp.*

*Có thể có tác dụng phụ: Khô miệng, bí đại, mờ mắt, nhịp tim nhanh, co đông tư, tăng áp lực mắt, nhức đầu, buồn ngủ, yếu sức, mất sữa.*

**Dạng thuốc:** Thuốc nhỏ mắt 15ml chứa 150mg kèm 0,115mg phenyl thủy ngân borat.

**Tác dụng:** Như atropin

**Chỉ định:** Dùng cho người mắt, cảm với atropin, viêm màng mạch nhỏ, nhất là viêm màng mạch nhỏ trước (viêm mống mắt, viêm mống mắt thể mi). Chuẩn bị cho thăm khám khúc xạ mắt.

**Liều dùng:** Ngày nhỏ mắt 1-3 lần, mỗi lần 1-2 giọt.

**Chống chỉ định:** Tăng nhãn áp, glôcôm góc đóng- mắt cảm với thuốc.

## I

### Igol (Ấn Độ)

**Dạng thuốc:** Gói thuốc bột 6g chứa 3,6g bột khô của vỏ hạt Ispaghul